

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/01/2018
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình
ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Khon;
2. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/QĐST- HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà A, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Ấp Đ, xã E, huyện G, tỉnh H.

2. *Bị đơn:* Ông B, sinh năm: 1966

Địa chỉ: Ấp Đ, xã E, huyện G, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 11/10/2017, các lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, bản khai và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn là Bà A trình bày như sau:

+ Về hôn nhân: Năm 1991, bà và Ông B có quen biết, tìm hiểu nhau một thời gian, được sự thống nhất của cha mẹ hai bên nên về sống chung không có làm đám cưới theo phong tục tập quán và cũng không có đăng ký kết hôn. Lý do là do bận công việc làm ăn nên không có thời gian đăng ký kết hôn. Bà với ông B sống hạnh phúc được một thời gian dài. Năm 2008 thì bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về nhiều chuyện trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã với nhau rồi ly thân từ năm 2008 đến nay và không thể nào hàn gắn lại được nữa. Yêu cầu được ly hôn với ông B.

+ Về con chung: Bà và ông B có hai người con chung tên C, sinh ngày: 24/10/1992 và D, sinh ngày: 23/9/1994. Nay hai con chung đã đủ 18 tuổi, đã lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản khai ngày 19/12/2017, các lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn là ông Ông B trình bày như sau:

+ Về hôn nhân: Thống nhất với lời trình bày của bà Bà A. Ông và bà A tự tìm hiểu quen biết nhau được khoảng từ 02 đến 03 năm. Sau đó được sự thống nhất của gia đình hai bên chúng bà về sống chung với nhau 1991, không có tổ chức đám cưới và không có đăng ký kết hôn. Hôn nhân giữa ông với bà A dựa trên sự tự nguyện không ai ép buộc hay cưỡng ép. Sau thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không thể nào hàn gắn được. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn dẫn đến ly thân là vì bà A không chăm cho gia đình, không quan tâm chồng con. Thống nhất ly hôn với bà A.

+ Về con chung: Trong thời gian chung sống hai vợ chồng bà có hai người con chung tên C, sinh ngày: 24/10/1992 và D, sinh ngày: 23/9/1994. Nay hai con chung đã đủ 18 tuổi, đã lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Ông B đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông.

[3] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là vụ án “tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

[4] *Về hôn nhân:* Xét hôn nhân giữa bà A với ông B là tự nguyện, không bị ép buộc lẫn nhau, được gia đình hai bên thống nhất, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống có hạnh phúc và sinh ra được 02 người con. Từ năm 2008 có những bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau và gây ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, dẫn đến ly thân đến nay và bà A yêu cầu được ly hôn với ông B.

[5] Từ đó cho thấy việc kết hôn giữa nam và nữ là vô cùng hệ trọng nó không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến bản thân của mình mà còn ảnh hưởng đến con cái, gia đình và xã hội. Vì vậy trước khi quyết định đi đến hôn nhân phải có sự lựa chọn, tìm hiểu nhau trước một thời gian thích hợp nhằm hiểu được nhau, biết thông cảm được nhau... Để rồi cả hai đi đến một cái chung thống nhất, đồng thời phải thực hiện theo quy định của pháp luật. Vì hôn nhân là sự liên kết giữa người nam với người nữ trên các nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, được thực hiện theo thủ tục pháp luật quy định, nhằm để chung sống với nhau suốt đời và xây dựng gia đình hạnh phúc, dân chủ và hòa thuận.

[6] Xét thấy việc yêu cầu xin ly hôn của bà A và sự chấp thuận ly hôn của ông B là có cơ sở để Tòa án cho ly hôn. Vì giữa hai bên không tìm được một cái chung thống nhất, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên hôn nhân giữa ông bà không tuân theo quy định của pháp luật là không đăng ký kết hôn, cho nên pháp luật không công nhận ông bà là vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Từ đó Tòa án cần phải tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của ông bà là phù hợp với điều luật trên.

[8] *Về con chung*: Các con chung của ông bà đã đủ 18 tuổi, không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

[9] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án xem xét giải quyết.

[10] *Về án phí*: Bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật. Ông B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51 và 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bà A với ông Ông B.

2. Về án phí: Bà Bà A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 02246 ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; bà A đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- UBND. xã xã E, huyện G, tỉnh H.
- Các đương sự;
- VKSND. huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND. tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THADS. Huyện Thanh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Văn Dũ